

Số: *683* /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài chính tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/07/2017 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị Quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 24/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục dịch vụ công tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài chính thực hiện tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2020 tại Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ vào điều kiện thực tiễn triển khai, khuyến khích các đơn vị thuộc Bộ thực hiện tích hợp, cung cấp thêm trên Cổng dịch vụ công Quốc gia các dịch vụ công trực tuyến ngoài danh sách đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo phù hợp với quy định của Chính phủ, Nhà nước và Bộ Tài chính.

Điều 3. Giao thủ trưởng các đơn vị:

1. Tập trung rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính, chi phí cho doanh nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến, trong đó phải tập trung tái cấu trúc

quy trình nghiệp vụ, đơn giản hóa các thủ tục hành chính mức độ 3, 4 để tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo hướng cắt giảm mạnh chi phí, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và bảo đảm tích hợp, cung cấp tối thiểu 30 % dịch vụ công mức 3, 4 trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia trong năm 2020 theo đúng chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ - CP ngày 01/01/2020 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020. Chủ động rà soát xây dựng lộ trình chi tiết triển khai, khẩn trương tích hợp các dịch vụ công trực tuyến lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia đảm bảo hoàn thành theo nguyên tắc đảm bảo đến hết Quý II/2020 hoàn thành tích hợp tối thiểu 30% (TCHQ tối thiểu 10%), Quý III/2020 đạt tối thiểu 70% (TCHQ tối thiểu 40%), Quý IV/2020 hoàn thành tích hợp 100% số dịch vụ công trực tuyến theo phụ lục đính kèm Quyết định.

2. Tiếp tục chuẩn hóa thông tin, dữ liệu thủ tục hành chính và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, mã hồ sơ trên hệ thống một cửa điện tử bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận, thực hiện, giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính.

3. Đẩy mạnh thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, thuế, thu phạt xử lý vi phạm hành chính và các nghĩa vụ tài chính khác trong giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công Bộ Tài chính góp phần thực hiện thành công giải pháp đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt.

4. Tổng cục Thuế, Kho bạc nhà nước phối hợp với Bộ Công An, Văn phòng Chính phủ, các ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và cơ quan liên quan trong việc hoàn thiện dịch vụ công trực tuyến đối với nộp phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát giao thông trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia để triển khai toàn quốc trước ngày 30/6/2020.

5. Tổng cục Thuế chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải và cơ quan liên quan hoàn thiện dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục kê khai và thu lệ phí trước bạ xe ô tô, xe gắn máy tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia để triển khai toàn quốc trước ngày 30 tháng 6 năm 2020; chủ trì tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với kê khai thuế cá nhân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia trước ngày 15/4/2020.

6. Tổng cục Thuế, Kho bạc nhà nước và các đơn vị liên quan phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong việc chia sẻ dữ liệu đăng kiểm có ký số để phục vụ cho việc hoàn thiện dịch vụ công trực tuyến kê khai lệ phí trước bạ xe ô tô, xe gắn máy; phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Y tế, cơ quan liên quan xây dựng dịch vụ công trực tuyến đối với nộp phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền xử phạt của Thanh tra

giao thông và Đổi giấy phép lái xe mức độ 4 để tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia trước ngày 30/6/2020.

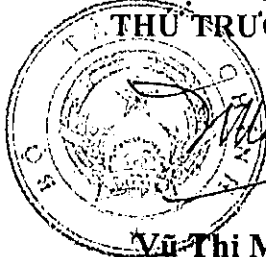
Điều 4: Văn phòng Bộ chủ trì phối hợp với Cục Tin học và Thống kê Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ triển khai công tác thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị trong việc công bố, cập nhật thủ tục hành chính lên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Điều 5. Cục Tin học và Thống kê tài chính đôn đốc, kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ thực hiện Quyết định này; kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Kb*

- Như Điều 2;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu VT, THTK. (4b)

MAI
KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

MAI
Vũ Thị Mai

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục

Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 ngành Tài chính tiền tệ, cung cấp trên

Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 683/QĐ-BTC ngày 28/10/2020

của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Tên dịch vụ công trực tuyến	Mức độ DVCTT	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
I Cơ quan Bộ Tài chính					
1.	1	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp dịch vụ kế toán tại Việt Nam (Cấp lần đầu)	4	Cục THTK	Cục QLKT
2.	2	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán (Cấp lại).	4	Cục THTK	Cục QLKT
3.	3	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho Chi nhánh doanh nghiệp kế toán nước ngoài tại Việt Nam	4	Cục THTK	Cục QLKT
4.	4	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán (Cấp mới)	4	Cục THTK	Cục QLKT
5.	5	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán hết thời hạn	4	Cục THTK	Cục QLKT
6.	6	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi kế toán viên thay đổi nơi làm việc hoặc nơi đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán	4	Cục THTK	Cục QLKT
7.	7	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi thay đổi tên của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nơi kế toán viên hành nghề đăng ký hành nghề	4	Cục THTK	Cục QLKT
8.	8	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán khi kế toán viên hành nghề bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán	4	Cục THTK	Cục QLKT
9.	9	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán	4	Cục THTK	Cục QLKT
10.	10	Kê khai giá (DVCTT khác)	4	Cục THTK	Cục QLG
11.	11	Đăng ký dự thi cấp thẻ lần đầu, sát hạch, cấp lần hai đối với thẻ thẩm định giá.	4	Cục THTK	Cục QLG

STT		Tên dịch vụ công trực tuyến	Mức độ DVCTT	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
12.	12	Đăng ký dự thi chứng chỉ kiểm toán viên đối với người đã có chứng chỉ kế toán viên	4	Cục THTK	Cục QLKT
13.	13	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên (đăng ký thi lại các môn chưa đạt hoặc thi tiếp các môn chưa thi)	4	Cục THTK	Cục QLKT
14.	14	Thủ tục Đăng ký kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán	4	Cục THTK	Cục QLKT
15.	15	Thủ tục đăng ký dự thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên (Đăng ký lần đầu)	4	Cục THTK	Cục QLKT
16.	16	Thủ tục đăng ký dự thi lấy chứng chỉ kế toán viên (Đăng ký lần đầu)	4	Cục THTK	Cục QLKT
17.	17	Thủ tục đăng ký dự thi sát hạch đối với người có chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên nước ngoài (chứng chỉ 18 kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên)	4	Cục THTK	Cục QLKT
18.	18	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (cấp mới)	4	Cục THTK	Cục QLKT
19.	19	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (cấp lần đầu)	4	Cục THTK	Cục QLKT
20.	20	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam	4	Cục THTK	Cục QLKT
21.	21	Đăng ký giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (Điều chỉnh)	4	Cục THTK	Cục QLKT
22.	22	Đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (Cấp lại)	4	Cục THTK	Cục QLKT
23.	23	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (Cấp lại)	4	Cục THTK	Cục QLKT
24.	24	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (Điều chỉnh)	4	Cục THTK	Cục QLKT
II		Kho bạc nhà nước			
25.	1	Thủ tục kiểm soát thanh toán các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp	4	KBNN	Cục THTK
26.	2	Thủ tục kiểm soát thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà	4	KBNN	Cục THTK

STT	Tên dịch vụ công trực tuyến	Mức độ DVCTT	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
	nước				
27.	3	Thủ tục kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước	4	KBNN	Cục THTK
28.	4	Thủ tục kiểm soát chi vốn nước ngoài qua Kho bạc Nhà nước	4	KBNN	Cục THTK
29.	5	Thủ tục hạch toán vốn ODA, vốn vay ưu đãi vào ngân sách nhà nước	4	KBNN	Cục THTK
30.	6	Thủ tục tất toán tài khoản của đơn vị giao dịch mở tại Kho bạc Nhà nước.	4	KBNN	Cục THTK
III	Tổng cục Hải quan				
31.	1	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra cảng trung chuyển	4	TCHQ	Cục THTK
32.	2	Thủ tục hải quan đối với hàng hoá kinh doanh theo phương thức chuyển khẩu	4	TCHQ	Cục THTK
33.	3	Thủ tục thành lập địa điểm kiểm tra là chân công trình hoặc kho của công trình, nơi sản xuất	4	TCHQ	Cục THTK
34.	4	Phân loại máy móc, thiết bị nguyên chiếc ở dạng tháo rời	4	TCHQ	Cục THTK
35.	5	Thủ tục phân loại máy liên hợp hoặc tổ hợp máy thuộc các Chương 84, Chương 85 và Chương 90 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	4	TCHQ	Cục THTK
36.	6	Thủ tục xem hàng hóa trước khi khai hải quan	4	TCHQ	Cục THTK
37.	7	Thủ tục xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế	4	TCHQ	Cục THTK
38.	8	Thủ tục tham vấn trị giá đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (cấp Cục)	4	TCHQ	Cục THTK
39.	9	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu, tạm nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy không nhằm mục đích thương mại	4	TCHQ	Cục THTK
40.	10	Thủ tục thuê kho bên ngoài doanh nghiệp chế xuất để lưu giữ nguyên liệu, sản phẩm của doanh nghiệp chế xuất, quản lý hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra kho	4	TCHQ	Cục THTK
41.	11	Thủ tục xác định trước mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	4	TCHQ	Cục THTK
42.	12	Thủ tục xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa (theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 được bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế...)	4	TCHQ	Cục THTK

STT		Tên dịch vụ công trực tuyến	Mức độ DVCTT	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
43.	13	Thủ tục tham vấn trị giá đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (cấp Chi cục)	4	TCHQ	Cục THTK
44.	14	Thủ tục sao y tờ khai hải quan bản chính do cơ quan hải quan lưu trong bộ hồ sơ hoàn, không thu thuế	4	TCHQ	Cục THTK
45.	15	Thủ tục xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt (theo qui định tại Điều 65 Luật Quản lý thuế được bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 và Điều 136 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015)	4	TCHQ	Cục THTK
46.	16	Thủ tục áp dụng mức thuế suất của nhóm 98.49	4	TCHQ	Cục THTK
47.	17	Thủ tục quyết toán việc xuất khẩu, sử dụng hàng hóa miễn thuế là vật liệu xây dựng đưa từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan để xây dựng sửa chữa và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung trong khu phi thuế quan	4	TCHQ	Cục THTK
48.	18	Thủ tục đăng ký tham gia chương trình ưu đãi thuế	4	TCHQ	Cục THTK
49.	19	Thủ tục xét miễn thuế đối với hàng hóa là quà biếu, quà tặng, hàng mẫu không thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan; thuốc chữa bệnh là quà biếu, quà tặng có trị giá vượt quá định mức miễn thuế nhưng do người Việt Nam định cư ở nước ngoài gửi về cho thân nhân tại Việt Nam là gia đình có công với cách mạng, thương binh, liệt sỹ, người già yếu không nơi nương tựa; hàng nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế, hàng nhập khẩu theo điều ước quốc tế.	4	TCHQ	Cục THTK
50.	20	Thông báo kết quả hủy Biên lai	4	TCHQ	Cục THTK
51.	21	Thủ tục xét miễn thuế đối với trường hợp hàng nhập khẩu phục vụ nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo	4	TCHQ	Cục THTK
52.	22	Kiểm tra việc in, phát hành, quản lý và sử dụng Biên lai	4	TCHQ	Cục THTK
53.	23	Thông báo phát hành Biên lai	4	TCHQ	Cục THTK
54.	24	Thủ tục xoá nợ tiền thuế, tiền phạt (thực hiện theo Thông tư 77/2008/TT-BTC ngày 15/9/2008 hướng dẫn thi hành một số biện pháp xử lý nợ đọng thuế và Thông tư số 24/2012/TT-BTC ngày 17/02/2012 sửa đổi bổ sung Thông tư số	4	TCHQ	Cục THTK

STT	Tên dịch vụ công trực tuyến	Mức độ DVCTT	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
	77/2008/TT-BTC)				
55.	25	Thủ tục đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	4	TCHQ	Cục THTK
56.	26	Thủ tục thành lập địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở biên giới	4	TCHQ	Cục THTK
57.	27	Thủ tục thành lập kho bảo thuế	4	TCHQ	Cục THTK
58.	28	Thủ tục chấm dứt hoạt động kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ, địa điểm kiểm tra tập trung, địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở biên giới	4	TCHQ	Cục THTK
59.	29	Thủ tục kiểm tra khoản giảm giá đối với hàng nhập khẩu	4	TCHQ	Cục THTK
60.	30	Thủ tục thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa (cảng nội địa)	4	TCHQ	Cục THTK
61.	31	Thủ tục thành lập địa điểm kiểm tra, giám sát hải quan đối với bưu gửi do doanh nghiệp kinh doanh làm chủ đầu tư	4	TCHQ	Cục THTK
62.	32	Thủ tục xét miễn thuế đối với hàng hóa là quà biếu tặng có trị giá vượt quá định mức miễn thuế theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tặng cho cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ quan đoàn thể xã hội hoạt động bằng ngân sách nhà nước; quà biếu tặng mang mục đích nhân đạo, từ thiện, nghiên cứu khoa học.	4	TCHQ	Cục THTK
63.	33	Thủ tục chấm dứt hoạt động địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa, địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu, kho hàng không kéo dài	4	TCHQ	Cục THTK
64.	34	Thủ tục thành lập kho hàng không kéo dài	4	TCHQ	Cục THTK
65.	35	Thủ tục thành lập địa điểm kiểm tra tập trung do doanh nghiệp kinh doanh kho bãi đầu tư xây dựng	4	TCHQ	Cục THTK
66.	36	Thủ tục di chuyển, chuyển quyền sở hữu địa điểm kiểm tra tập trung, địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở biên giới	4	TCHQ	Cục THTK
67.	37	Thủ tục chuyển đổi quyền kinh doanh, khai thác địa điểm kiểm tra, giám sát hải quan đối với bưu gửi	4	TCHQ	Cục THTK

STT		Tên dịch vụ công trực tuyến	Mức độ DVCTT	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
68.	38	Thủ tục đổi tên chủ sở hữu của địa điểm kiểm tra, giám sát hải quan đối với bưu gửi	4	TCHQ	Cục THTK
69.	39	Thủ tục di chuyển, chuyển quyền sở hữu kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ	4	TCHQ	Cục THTK
70.	40	Thủ tục thành lập địa điểm thu gom hàng lẻ ở nội địa (CFS)	4	TCHQ	Cục THTK
71.	41	Thủ tục thành lập kho ngoại quan	4	TCHQ	Cục THTK
72.	42	Thủ tục lựa chọn Ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng	4	TCHQ	Cục THTK
73.	43	Thủ tục chấm dứt, tạm dừng hoạt động của địa điểm kiểm tra, giám sát hải quan đối với bưu gửi	4	TCHQ	Cục THTK
74.	44	Thủ tục kiểm tra và xác định trước xuất xứ hàng nhập khẩu	4	TCHQ	Cục THTK
75.	45	Thủ tục di chuyển, chuyển quyền sở hữu địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thành lập trong nội địa; địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu; kho hàng không kéo dài	4	TCHQ	Cục THTK
76.	46	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép hồi hương	4	TCHQ	Cục THTK
77.	47	Thủ tục đăng ký danh mục hàng hóa xuất khẩu miễn thuế là vật liệu xây dựng đưa từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan	4	TCHQ	Cục THTK
78.	48	Thủ tục công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan	4	TCHQ	Cục THTK
79.	49	Thủ tục chấm dứt đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng với Ngân hàng thương mại được lựa chọn làm đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng	4	TCHQ	Cục THTK
80.	50	Thủ tục tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam	4	TCHQ	Cục THTK
81.	51	Thủ tục nộp dẫn tiền thuế nợ theo khoản 25 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật quản lý thuế; Điều 39 Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013; khoản 7 Điều 5 Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 và Điều 134 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính đối với số tiền thuế nợ phát sinh tại 02 Chi cục HQ trở lên thuộc 01 Cục HQ.	4	TCHQ	Cục THTK
82.	52	Thủ tục nộp dẫn tiền thuế nợ theo khoản 25 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 sửa	4	TCHQ	Cục THTK

STT	Tên dịch vụ công trực tuyến	Mức độ DVCTT	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	đổi, bổ sung một số Điều của Luật quản lý thuế; Điều 39 Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013; khoản 7 Điều 5 Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 và Điều 134 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính đối với số tiền thuế nợ phát sinh tại 01 Chi cục HQ.			
83.	53	4	TCHQ	Cục THTK
84.	54	4	TCHQ	Cục THTK
85.	55	4	TCHQ	Cục THTK
86.	56	4	TCHQ	Cục THTK
87.	57	4	TCHQ	Cục THTK
88.	58	4	TCHQ	Cục THTK
89.	59	4	TCHQ	Cục THTK
90.	60	4	TCHQ	Cục THTK
IV Ủy ban chứng khoán nhà nước				
91.	1	3	UBCK	Cục THTK
92.	2	3	UBCK	Cục THTK
93.	3	3	UBCK	Cục THTK
94.	4	3	UBCK	Cục THTK
95.	5	3	UBCK	Cục THTK

STT		Tên dịch vụ công trực tuyến	Mức độ DVCTT	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
96.	6	Đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của công ty đại chúng	3	UBCK	Cục THTK
97.	7	Đăng ký chào mua công khai	3	UBCK	Cục THTK
98.	8	Cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán	3	UBCK	Cục THTK
99.	9	Đề nghị chấp thuận đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài của tổ chức phát hành Việt Nam	3	UBCK	Cục THTK
100	10	Đăng ký niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành nước ngoài trên Sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam	3	UBCK	Cục THTK
101	11	Đề nghị xác nhận tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng	3	UBCK	Cục THTK
V		Tổng cục Thuế			
102	1	Báo cáo về việc nhận in hóa đơn/biên lai, cung cấp phần mềm tự in hóa đơn/biên lai; Báo cáo về việc truyền hoá đơn điện tử của tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hoá đơn điện tử	4	TCT	Cục THTK
103	2	Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn/mất, cháy, hỏng hóa đơn	4	TCT	Cục THTK
104	3	Thông báo phát hành hóa đơn đặt in/hóa đơn tự in/hóa đơn in trực tiếp từ máy tính tiền và hóa đơn điện tử	4	TCT	Cục THTK
105	4	Báo cáo về việc nhận in hóa đơn/biên lai, cung cấp phần mềm tự in hóa đơn/biên lai; Báo cáo về việc truyền hoá đơn điện tử của tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hoá đơn điện tử	4	TCT	Cục THTK
106	5	Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn/mất, cháy, hỏng hóa đơn	4	TCT	Cục THTK
107	6	Thông báo về hóa đơn, Biên lai thu tiền phí, lệ phí không tiếp tục sử dụng/ Thông báo kết quả hủy hóa đơn, Biên lai thu tiền phí, lệ phí	4	TCT	Cục THTK
108	7	Thông báo phát hành biên lai thu phí, lệ phí do cơ quan thu phí, lệ phí đặt in/tự in	4	TCT	Cục THTK
109	8	Báo cáo tình hình sử dụng Biên lai thu tiền phí, lệ phí	4	TCT	Cục THTK
110	9	Thông báo về hóa đơn, Biên lai thu tiền phí, lệ phí không tiếp tục sử dụng/ Thông báo kết quả hủy hóa đơn, Biên lai thu tiền phí, lệ phí	4	TCT	Cục THTK
111	10	Thông báo phát hành biên lai thu phí, lệ phí do cơ quan thu phí, lệ phí đặt in/tự in	4	TCT	Cục THTK

STT	Tên dịch vụ công trực tuyến	Mức độ DVCTT	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
112	11	Báo cáo tình hình sử dụng Biên lai thu tiền phí, lệ phí	4	TCT	Cục THTK
113	12	Đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN/ Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN/ Đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN	4	TCT	Cục THTK
114	13	Khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ	4	TCT	Cục THTK
115	14	Khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT	4	TCT	Cục THTK
116	15	Khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu.	4	TCT	Cục THTK
117	16	Khai thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh và chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh.	4	TCT	Cục THTK
118	17	Khai thuế Giá trị gia tăng đối với cơ sở sản xuất thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN, trường hợp nhà máy thủy điện nằm chung trên địa bàn các tỉnh	4	TCT	Cục THTK
119	18	Khai thuế Giá trị gia tăng đối với cơ sở sản xuất thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN, trường hợp nhà máy thủy điện nằm trên 1 tỉnh	4	TCT	Cục THTK
120	19	Khai thuế GTGT đối với cơ sở sản xuất thủy điện không thuộc EVN	4	TCT	Cục THTK
121	20	Khai thuế giá trị gia tăng dành cho dự án đầu tư	4	TCT	Cục THTK
122	21	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên.	4	TCT	Cục THTK
123	22	Khai quyết toán thuế TNDN đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên.	4	TCT	Cục THTK
124	23	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí.	4	TCT	Cục THTK
125	24	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản	4	TCT	Cục THTK
126	25	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản	4	TCT	Cục THTK
127	26	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu.	4	TCT	Cục THTK
128	27	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu.	4	TCT	Cục THTK
129	28	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn.	4	TCT	Cục THTK
130	29	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn.	4	TCT	Cục THTK
131	30	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp	4	TCT	Cục THTK
132	31	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp	4	TCT	Cục THTK

STT		Tên dịch vụ công trực tuyến	Mức độ DVCTT	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
133	32	Khai thuế đối với Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu.	4	TCT	Cục THTK
134	33	Khai quyết toán thuế TNDN đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu.	4	TCT	Cục THTK
135	34	Khai thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác	4	TCT	Cục THTK
136	35	Khai quyết toán thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác	4	TCT	Cục THTK
137	36	Khai thuế đối với hãng hàng không nước ngoài	4	TCT	Cục THTK
138	37	Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế khi nhận chuyển nhượng vốn góp của cá nhân không cư trú.	4	TCT	Cục THTK
139	38	Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế khi nhận chuyển nhượng vốn góp của cá nhân không cư trú.	4	TCT	Cục THTK
140	39	Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với Công ty xổ số, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp bán hàng đa cấp trả tiền hoa hồng cho cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý bán đúng giá; doanh nghiệp bảo hiểm trả phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác.	4	TCT	Cục THTK
141	40	Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với Công ty xổ số, doanh nghiệp bảo	4	TCT	Cục THTK

STT	Tên dịch vụ công trực tuyến	Mức độ DVCTT	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	hiếm, doanh nghiệp bán hàng đa cấp trả tiền hoa hồng cho cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý bán đúng giá; doanh nghiệp bảo hiểm trả phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác.			
142	41 Khai thuế đối với cá nhân có tài sản cho thuê	3	TCT	Cục THTK
143	42 Đề nghị điều chỉnh sai sót liên quan đến khoản nộp ngân sách nhà nước	4	TCT	Cục THTK
144	43 Đề nghị điều chỉnh sai sót liên quan đến khoản nộp ngân sách nhà nước	4	TCT	Cục THTK
145	44 Khai quyết toán thuế Tài nguyên đối với cơ sở sản xuất thủy điện	4	TCT	Cục THTK
146	45 Khai thuế tài nguyên đối với trường hợp cơ sở sản xuất thủy điện không có lồng hồ nằm chung trên địa bàn các tỉnh	4	TCT	Cục THTK
147	46 Khai thuế tài nguyên đối với cơ sở khai thác tài nguyên	4	TCT	Cục THTK
148	47 Khai quyết toán thuế tài nguyên (trừ dầu thô, khí thiên nhiên).	4	TCT	Cục THTK
149	48 Khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	4	TCT	Cục THTK
150	49 Khai quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	4	TCT	Cục THTK
151	50 Khai thuế bảo vệ môi trường đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác khoáng sản.	4	TCT	Cục THTK
152	51 Khai phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước	4	TCT	Cục THTK
153	52 Khai quyết toán phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước	4	TCT	Cục THTK
154	53 Khai thuế tiêu thụ đặc biệt	4	TCT	Cục THTK
155	54 Khai thuế môn bài	4	TCT	Cục THTK
156	55 Khai thuế đối với tái bảo hiểm nước ngoài	4	TCT	Cục THTK
157	56 Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài	4	TCT	Cục THTK
158	57 Báo cáo tình hình sử dụng tem rượu, quyết toán tem rượu và báo cáo mất tem rượu.	4	TCT	Cục THTK
159	58 Đăng ký huỷ và thông báo kết quả huỷ tem rượu	4	TCT	Cục THTK
160	59 Khai bổ sung hồ sơ khai thuế	4	TCT	Cục THTK
161	60 Khai thuế tiêu thụ đặc biệt	4	TCT	Cục THTK
162	61 Khai thuế môn bài	4	TCT	Cục THTK
163	62 Khai phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước	4	TCT	Cục THTK

STT	Tên dịch vụ công trực tuyến	Mức độ DVCTT	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
164	63	Khai quyết toán phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước	4	TCT	Cục THTK
165	64	Khai thuế đối với Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu	4	TCT	Cục THTK
166	65	Khai quyết toán thuế TNDN đối với Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu	4	TCT	Cục THTK
167	66	Khai thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác	4	TCT	Cục THTK
168	67	Khai quyết toán thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác	4	TCT	Cục THTK
169	68	Báo cáo tình hình sử dụng tem rượu, quyết toán tem rượu và báo cáo mất tem rượu.	4	TCT	Cục THTK
170	69	Đăng ký huỷ và thông báo kết quả huỷ tem rượu	4	TCT	Cục THTK
171	70	Khai bổ sung hồ sơ khai thuế	4	TCT	Cục THTK
172	71	Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công	4	TCT	Cục THTK
173	72	Khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công	4	TCT	Cục THTK
174	73	Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công	4	TCT	Cục THTK
175	74	Khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công	4	TCT	Cục THTK
176	75	Khai thuế đối với cá nhân kinh doanh khai thuế theo từng lần phát sinh	3	TCT	Cục THTK
177	76	Thông báo phát hành hóa đơn đặt in/hóa đơn tự in/hóa đơn in trực tiếp từ máy tính tiền và hóa đơn điện tử	4	TCT	Cục THTK
178	77	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở sản xuất thủy điện mà nhà máy thủy điện nằm chung trên địa bàn các tỉnh có/hoặc không có các đơn vị	4	TCT	Cục THTK

STT	Tên dịch vụ công trực tuyến	Mức độ DVCTT	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	thủy điện hạch toán phụ thuộc.			
179	78 Khai thuế tài nguyên trường hợp cơ sở sản xuất thủy điện có lòng hồ nằm chung trên địa bàn các tỉnh	4	TCT	Cục THTK
180	79 Khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ	4	TCT	Cục THTK
181	80 Khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT	4	TCT	Cục THTK
182	81 Khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu	4	TCT	Cục THTK
183	82 Khai thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh và chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh.	4	TCT	Cục THTK
184	83 Khai thuế giá trị gia tăng dành cho dự án đầu tư	4	TCT	Cục THTK
185	84 Khai thuế năm đối với cá nhân làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, bán hàng đa cấp và hoạt động kinh doanh khác chưa khấu trừ, nộp thuế trong năm	4	TCT	Cục THTK
186	85 Khai thuế tài nguyên đối với cơ sở khai thác tài nguyên	4	TCT	Cục THTK
187	86 Khai quyết toán thuế tài nguyên (trừ dầu thô, khí thiên nhiên).	4	TCT	Cục THTK
188	87 Khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	4	TCT	Cục THTK
189	88 Khai quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	4	TCT	Cục THTK
190	89 Khai thuế bảo vệ môi trường đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác khoáng sản.	4	TCT	Cục THTK
191	90 Khai thuế bảo vệ môi trường đối với than khai thác và tiêu thụ nội địa - Trường hợp than do Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) quản lý và giao cho các đơn vị thành viên khai thác, chế biến và tiêu thụ.	4	TCT	Cục THTK
192	91 Khai thuế đối với tái bảo hiểm nước ngoài	4	TCT	Cục THTK
193	92 Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài	4	TCT	Cục THTK
194	93 Khai thuế đối với hãng hàng không nước ngoài	4	TCT	Cục THTK